TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **43**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Phượng**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Tư**

Ông **Huỳnh Văn Thanh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà **Dương Thị Hằng Ni**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hùng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử công khai vụ án thụ lý số 360/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thùy T**, sinh năm 1974 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2017 nguyên đơn chị Đặng Thùy T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tổ chức đám cưới vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vả nên vào năm 2016 anh chị đã sống ly thân. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Con chung: Có ba cháu tên Nguyễn T L, sinh ngày 28/9/2000, Nguyễn T T, sinh ngày 18/10/2002 và Nguyễn T Như N sinh ngày 01/7/2011, hiện do chị T đang trực tiếp nuôi nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/11/2017, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày thống nhất với chị T về quan hệ hôn nhân và con chung. Nhưng anh không đồng

ý ly hôn với chị T vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn thương vợ, thương con.

Con chung: Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao ba con chung cho chị T trực tiếp nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 4 tọa lạc tại Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh T.

Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh T, giao ba con chung cho chị T trực tiếp nuôi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy: Chị Đặng Thùy T và anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1999 (không có đăng ký kết hôn). Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân luôn đến nay. Chị T khai do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, anh T không lo cho mẹ con chị. Nay do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị T có đơn yêu cầu được ly hôn, anh T cũng đồng ý. Theo qui định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 thì: "Việc kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định… Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý" và theo hướng dẫn tại khoản c Điều 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình thì: "Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; Nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Toà án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết". Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thùy T với anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[2] Con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có ba con chung tên Nguyễn T L, sinh ngày 28/9/2000, Nguyễn T T sinh ngày 18/10/2002 và Nguyễn T Như N sinh ngày 01/7/2011, hiện các cháu đang ở chung nhà với chị T và anh T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi,

anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi các cháu L, T, N, các cháu vẫn phát triển bình thường và khỏe mạnh. Theo biên bản xác minh ngày 18/10/2017, Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã M, chị Đào Thị Thu V cho biết chị T hiện đang buôn bán tại nhà, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con chung. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 23/10/2007, các cháu L và T cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi cũng như nguyện vọng của các cháu. Do chị T không có yêu cầu nên anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T có ý kiến chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 4 tọa lạc Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh T nhưng anh không làm đơn và nộp tiền tạm ứng án phí. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T cũng như anh T không ai có yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Nợ chung: Các đương sự thống nhất không có.

[5] Án phí: Chị Đặng Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, Điều 17 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Khoản c Điều 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thùy T và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Con chung: Giao các cháu Nguyễn T L, sinh ngày 28/9/2000, Nguyễn T T sinh ngày 18/10/2002 và Nguyễn T Như N sinh ngày 01/7/2011 cho chị Đặng Thùy T trực tiếp nuôi.

Án phí: Chị Đặng Thùy T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số 14780 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND Cai Lậy.
- CCTHADS Cai lậy.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Hồng Phượng